

VAI TRÒ CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT: NHẬN DIỆN, LÝ GIẢI VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

ĐẶNG HOÀNG VŨ*

Khoa Luật và Khoa học chính trị, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

*Tác giả liên hệ: danghoangvu@iuh.edu.vn

DOIs: <https://www.doi.org/10.46242/jstih.v80i2.5889>

Tóm tắt: Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) phát triển nhanh chóng và ngày càng thâm nhập sâu vào hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước những biến đổi mang tính cấu trúc của lực lượng sản xuất. Bài viết tiếp cận vấn đề từ lý luận lực lượng sản xuất của triết học Mác – Lênin nhằm làm rõ bản chất triết học, đặc trưng kinh tế và pháp lý của AI trong phương thức sản xuất mới. Mục đích nghiên cứu là phân tích cách thức AI được doanh nghiệp tiếp nhận và vận hành như một yếu tố nội tại của lực lượng sản xuất, đồng thời đánh giá những thời cơ và thách thức đặt ra đối với doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Bài viết sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, nghiên cứu kết hợp phân tích lý luận với thực tế doanh nghiệp hiện nay. Kết quả cho thấy AI đang tồn tại với nhiều vai trò trong doanh nghiệp, vừa là công cụ lao động mang nội dung tri thức, vừa là đối tượng lao động có thể khai thác để sinh lời, vừa là người lao động số làm tái cấu trúc quan hệ lao động và phân phối lợi ích. Nghiên cứu góp phần làm rõ lý luận lực lượng sản xuất trong bối cảnh mới, với sự thúc đẩy mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo và gợi mở cơ sở cho việc hoàn thiện chính sách tại các doanh nghiệp Việt Nam trong ứng dụng AI.

Từ khóa: Doanh nghiệp Việt Nam; Kinh tế số; Lực lượng sản xuất; Triết học Mác – Lênin; Trí tuệ nhân tạo.

1. GIỚI THIỆU NGHIÊN CỨU

Thế giới hiện nay đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI) như một thành quả lớn của khoa học và công nghệ hiện đại, vấn đề đặt ra không còn dừng lại là doanh nghiệp nên hay không nên ứng dụng AI, mà sâu xa hơn mang tính triết học là câu hỏi về việc AI đang làm biến đổi cấu trúc lực lượng sản xuất như thế nào, từ đó tác động ra sao đến phương thức tổ chức sản xuất, quản trị doanh nghiệp, quan hệ lao động và khuôn khổ pháp lý hiện hành. Chính ở điểm giao thoa này, nghiên cứu triết học Mác – Lênin với lý luận về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất cho phép chúng ta tiếp cận AI không phải như một “*công cụ lao động thông thường*”, mà như một yếu tố sản xuất mới đang vận động, va chạm và tạo ra những mâu thuẫn mới trong lòng nền kinh tế thị trường hiện đại.

Từ góc nhìn chung, có thể thấy rằng doanh nghiệp đang đứng trước những cơ hội chưa từng có về nâng cao năng suất, tối ưu hóa chi phí, mở rộng không gian sáng tạo và tái cấu trúc chuỗi giá trị nhờ AI. Song, thực tiễn cũng cho thấy hàng loạt thách thức nảy sinh liên quan đến thay thế lao động, bất bình đẳng kỹ năng nghề nghiệp, tái phân phối giá trị thặng dư, cũng như những khoảng trống pháp lý trong quản trị dữ liệu, trách nhiệm của pháp nhân và quyền của người lao động trong môi trường số.

Bài viết tập trung vào vấn đề: Trong kết cấu của lực lượng sản xuất, trí tuệ nhân tạo đang được doanh nghiệp tiếp nhận và vận hành dưới những hình thái nào: (1) Với tư cách là “*đối tượng lao động*” được sản xuất và thương mại hóa; (2) Với tư cách là “*người lao động đặc thù*” thay thế hoặc cạnh tranh với lao động con người hay (3) với tư cách là “*công cụ lao động*” được trang bị tri thức để đồng hành cùng con người. Mỗi hình thái đó kéo theo những hệ quả kinh tế, xã hội, pháp lý khác nhau. Mục đích của nghiên cứu không dừng lại ở việc mô tả hiện tượng, mà phân tích bản chất triết học của sự biến đổi này, đóng góp thêm cách hiểu về lực lượng sản xuất của triết học Mác – Lênin trong bối cảnh kinh tế số. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách của các doanh nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo. Trên tinh thần đó, bài viết được triển khai theo một dòng tư duy liền mạch, bắt đầu từ cơ sở lý luận, tổng quan nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, phân tích kết quả, đến thảo luận và kết luận, nhằm bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa lý luận triết học, phân tích kinh tế và yêu cầu pháp lý của thực tiễn doanh nghiệp.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Cơ sở lý thuyết

Về tổng quan tài liệu: Tác giả tiếp cận tổng quan tài liệu trong công trình này không nhằm mục đích liệt kê các nghiên cứu đã có, mà đặt trọng tâm vào việc đọc các công trình trước đây như những “*lập trường lý luận*” đang cùng tham gia lý giải một hiện tượng lịch sử – xã hội đang vận động, qua đó xác định rõ vị trí đứng và khoảng trống nghiên cứu mà bài viết này cần lấp đầy. Trước hết, xét về lý thuyết nền: Triết học Mác – Lênin khẳng định lực lượng sản xuất là sự thống nhất biện chứng giữa người lao động và tư liệu sản xuất, trong đó trình độ phát triển của công cụ lao động giữ vai trò quyết định, đồng thời “*khoa học – công nghệ, khi đạt đến một trình độ nhất định, sẽ chuyển hóa thành lực lượng sản xuất trực tiếp*” (C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, t.46, p.2, tr.372). Các giáo trình và công trình nghiên cứu ở Việt Nam đều dự báo, trong điều kiện cách mạng khoa học – công nghệ hiện đại, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ranh giới truyền thống giữa “*công cụ lao động*” và “*người lao động*” có xu hướng bị làm mờ khi tri thức, thuật toán và dữ liệu được vật hóa vào máy móc thông minh, tạo ra những hình thái lao động mới. Đây chính là tiền đề lý luận quan trọng để đặt trí tuệ nhân tạo vào kết cấu của lực lượng sản xuất, không như một yếu tố ngoại sinh, mà như một bộ phận đang vận động bên trong phương thức sản xuất đương đại (Phong & Kiên, 2024). Song song với lý luận này, tổng quan các nghiên cứu trước đây về AI và doanh nghiệp cho thấy một bức tranh khá phong phú nhưng phân mảnh. Các nghiên cứu kinh tế và quản trị doanh nghiệp tập trung phân tích AI như công cụ nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong các lĩnh vực quản trị nhân sự, chuỗi cung ứng và ra quyết định chiến lược, qua đó khẳng định vai trò tích cực của AI đối với năng suất và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số (Hương, 2025). Tuy nhiên, những công trình này phần lớn dừng lại ở bình diện ứng dụng, coi AI như một “*giải pháp kỹ thuật*”, ít đặt vấn đề về sự thay đổi bản chất của lao động, sự tái phân phối giá trị thặng dư, hay những mâu thuẫn mới giữa lao động và tư bản trong môi trường số. Ở chiều ngược lại, một số nghiên cứu tiếp cận từ triết học và khoa học xã hội đã bước đầu đặt ra vấn đề AI làm biến đổi cấu trúc lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, nhấn mạnh nguy cơ lệch pha giữa trình độ công nghệ và thể chế, giữa năng lực sản xuất mới với khung pháp luật và chính sách lao động còn mang dấu ấn của nền kinh tế công nghiệp truyền thống (Kiên, 2024) & (Anh, 2021). Có thể nhận thấy các nghiên cứu liên quan đến trí tuệ nhân tạo và doanh nghiệp hiện nay tuy khá phong phú, song lại được triển khai chủ yếu từ hai hướng tiếp cận tương đối khác biệt:

Một mặt, nhiều công trình thuộc lĩnh vực kinh tế và quản trị doanh nghiệp tập trung xem xét AI như một công cụ công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu hóa quy trình sản xuất kinh doanh, cải thiện năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong bối cảnh kinh tế số. Các nghiên cứu theo hướng này đã cung cấp những bằng chứng thực nghiệm quan trọng về tác động tích cực của AI đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực quản trị nhân sự, phân tích dữ liệu và ra quyết định chiến lược. Tuy nhiên, cách tiếp cận này phần lớn vẫn dừng lại ở bình diện ứng dụng kỹ thuật, khi AI được xem như một giải pháp công nghệ hỗ trợ quản trị, mà chưa đặt nó vào cấu trúc sâu xa hơn của phương thức sản xuất và sự vận động của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế hiện đại.

Mặt khác, một số công trình trong lĩnh vực triết học và khoa học xã hội đã bắt đầu tiếp cận AI từ góc độ rộng hơn, coi sự phát triển của các công nghệ trí tuệ nhân tạo như một biểu hiện mới của cách mạng khoa học – công nghệ, có khả năng làm biến đổi cấu trúc lực lượng sản xuất và kéo theo những điều chỉnh tương ứng trong quan hệ sản xuất. Tuy vậy, các nghiên cứu này lại thiên về bình luận lý luận và phân tích ở tầm khái quát, trong khi bằng chứng thực tiễn ở cấp độ doanh nghiệp, đặc biệt là trong bối cảnh doanh nghiệp Việt Nam, vẫn còn tương đối hạn chế.

Chính từ khoảng giao thoa giữa hai hướng tiếp cận nói trên, bài viết này lựa chọn một cách tiếp cận mới: Thay vì chỉ nhìn nhận AI như một công cụ quản trị hay chỉ dừng lại ở bình luận lý luận trừu tượng, nghiên cứu đặt trí tuệ nhân tạo vào kết cấu của lực lượng sản xuất theo lập trường triết học Mác – Lênin, qua đó phân tích cách thức AI được doanh nghiệp tiếp nhận và vận hành như một yếu tố nội tại của quá trình sản xuất. Cách tiếp cận này, không chỉ giúp làm rõ hơn bản chất triết học của sự phát triển AI trong phương thức sản xuất đương đại, mà còn góp phần bổ sung góc nhìn lý luận cho việc nghiên cứu doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay. Từ sự phân hóa đó, bài viết đưa ra giả thuyết như sau:

Trí tuệ nhân tạo không tồn tại trong doanh nghiệp dưới một hình thức đơn nhất, mà vận động như một thực thể giữ nhiều vai trò trong lực lượng sản xuất: Khi doanh nghiệp trực tiếp tạo ra, huấn luyện và thương mại hóa AI, nó trở thành đối tượng lao động (1); Khi AI đảm nhiệm các chức năng thay thế hoặc cạnh tranh với lao động con người trong những công việc nhất định, nó mang dáng dấp của một “người lao động đặc thù” (2) và khi AI hỗ trợ, khuếch đại năng lực trí tuệ của con người, nó hiện diện như một công cụ lao động ở trình độ trí tuệ hóa cao (3).

Về phương pháp nghiên cứu: Tác giả sử dụng phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của triết học Mác – Lênin làm nền tảng tiếp cận. Phương pháp luận này cho phép xem xét trí tuệ nhân tạo không phải như một hiện tượng công nghệ tách rời, mà như một yếu tố đang vận động trong mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng của xã hội hiện đại. Từ cách tiếp cận đó, bài viết đặt trí tuệ nhân tạo vào tiến trình phát triển lịch sử của lực lượng sản xuất, qua đó làm rõ bản chất kinh tế – xã hội của công nghệ này trong bối cảnh doanh nghiệp vận hành trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đồng thời, các công trình nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo, kinh tế số cũng được đối chiếu nhằm làm rõ cách thức mà AI đang được nhận thức và vận hành trong doanh nghiệp. Một số nội dung trong bài viết có phân tích thực tiễn và phân tích pháp lý ở mức độ minh họa, nhằm làm rõ những biểu hiện tiêu biểu của việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong doanh nghiệp hiện nay, nhưng các ví dụ thực tiễn và báo cáo được sử dụng trong nghiên cứu chỉ đóng vai trò minh chứng cho lập luận lý luận, chứ không nhằm mục đích xây dựng mô hình định lượng hay kiểm định thống kê. Việc kết hợp các phương pháp trên giúp bảo đảm sự thống nhất giữa lập luận triết học và so sánh thực tiễn, làm rõ bản chất của sự biến đổi lực lượng sản xuất trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo.

Tổng thể các phương pháp trên được vận dụng trong mối quan hệ bổ trợ lẫn nhau, bảo đảm sự thống nhất giữa cơ sở lý luận, phân tích thực tiễn và kết quả nghiên cứu, qua đó làm rõ bản chất triết học của vai trò AI trong doanh nghiệp Việt Nam và nâng cao giá trị khoa học cũng như giá trị tham khảo chính sách của công trình.

2.2. Nội dung nghiên cứu

2.2.1. Trí tuệ nhân tạo trong kết cấu lực lượng sản xuất theo triết học Mác – Lênin

Trong hệ thống lý luận của C. Mác, lực lượng sản xuất giữ vị trí vô cùng quan trọng, là phạm trù trung tâm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, qua đó quyết định cách thức tồn tại, vận động và phát triển của toàn bộ đời sống xã hội. Xuất phát từ con người hiện thực, C. Mác cho rằng “*Người ta phải có khả năng sống đã rồi mới có thể “làm ra lịch sử”.* Nhưng muốn sống được thì trước hết cần phải có thức ăn, thức uống, nhà ở, quần áo và một vài thứ khác nữa. Như vậy, hành vi lịch sử đầu tiên là việc sản xuất ra những tư liệu để thỏa mãn nhu cầu ấy, việc sản xuất ra bản thân đời sống vật chất” (C. Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.3, tr.40). Chính trong quá trình sản xuất đó, con người không chỉ tạo ra của cải vật chất mà còn đồng thời tạo ra các quan hệ xã hội, các thiết chế chính trị – pháp lý, các hình thái ý thức xã hội tương ứng. “*Việc sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt vật chất trực tiếp và chính mỗi một giai đoạn phát triển kinh tế nhất định của một dân tộc hay một thời đại tạo ra một cơ sở, từ đó mà người ta phát triển các thể chế nhà nước, các quan điểm pháp quyền, nghệ thuật và thậm chí cả những quan niệm tôn giáo của con người ta*” (C. Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.19, tr.500). Do vậy, lực lượng sản xuất không phải là một khái niệm trừu tượng mang tính tinh thần, mà là sức mạnh vật chất – thực tiễn của con người trong việc cải biến giới tự nhiên. Lịch sử nhân loại, xét đến cùng là lịch sử phát triển của lực lượng sản xuất, thông qua đó phản ánh trình độ chinh phục, cải biến tự nhiên và tổ chức đời sống xã hội của con người ở mỗi giai đoạn nhất định.

Về mặt cấu trúc, C. Mác xác định lực lượng sản xuất được hình thành từ sự kết hợp biện chứng giữa người lao động và tư liệu sản xuất. Người lao động, với toàn bộ năng lực thể chất và trí tuệ, là yếu tố giữ vai trò quyết định, bởi nếu không có con người biết chế tạo, sử dụng và cải tiến công cụ lao động thì quá trình sản xuất vật chất không thể diễn ra. Tư liệu sản xuất, bao gồm đối tượng lao động và công cụ lao động, là điều kiện vật chất cần thiết, giúp sức lao động của con người được mở rộng và nâng cao hiệu quả tác động vào tự nhiên. Trong quá trình đó, công cụ lao động giữ vai trò đặc biệt quan trọng, bởi trình độ phát triển của công cụ chính là thước đo trực tiếp phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất trong mỗi hình thái kinh tế – xã hội. C. Mác cho rằng thông qua việc sử dụng công cụ lao động, con người không chỉ cải biến tự nhiên mà còn cải biến chính bản thân mình, tích lũy kinh nghiệm, tri thức và kỹ năng, từ đó thúc đẩy lực lượng sản xuất không ngừng phát triển. Đáng chú ý hơn nữa là C. Mác đã dự báo vai trò ngày càng to lớn của khoa học đối với sản xuất vật chất, coi tri thức khoa học khi được vật hóa trong máy móc, công nghệ và quy trình sản xuất sẽ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, qua đó làm biến đổi sâu sắc phương

thức sản xuất và đời sống xã hội. “*Sự phát triển của tư bản cố định là chỉ số cho thấy tri thức xã hội phổ đã chuyển hóa đến mức độ nào thành lực lượng sản xuất trực tiếp, do đó nó cũng là chỉ số cho thấy những điều kiện của chính quá trình sống của xã hội đã phục tùng đến một mức độ nào sự kiểm soát của trí tuệ phổ biến và đã được cải tạo đến mức độ nào cho phù hợp với quá trình ấy.*” (C. Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.46, p.2, tr.372). Trên cơ sở đó, C. Mác khẳng định lực lượng sản xuất mang tính lịch sử – xã hội, luôn vận động, biến đổi và phát triển, chứ không phải là một thực thể bất biến. Sự phát triển của lực lượng sản xuất tạo ra tiền đề vật chất cho sự ra đời, vận động và thay thế của các hình thái kinh tế – xã hội, đồng thời là tiêu chí căn bản để đánh giá trình độ tiến bộ của xã hội loài người. Mỗi thế hệ kế thừa những lực lượng sản xuất do các thế hệ trước để lại, nhưng đồng thời lại cải biến chúng trong những điều kiện lịch sử mới, qua đó tạo ra sự phát triển liên tục nhưng không đồng đều của lịch sử.

Trong hệ thống lý luận của triết học Mác – Lênin, lực lượng sản xuất không phải là một tập hợp các yếu tố rời rạc, mà là một chỉnh thể động được cấu thành bởi sự thống nhất biện chứng giữa người lao động và tư liệu sản xuất, trong đó công cụ lao động giữ vai trò quan trọng, phản ánh trình độ chinh phục tự nhiên của con người trong từng giai đoạn lịch sử nhất định. C. Mác đã chỉ ra rằng sự thay đổi của công cụ lao động chính là “*thước đo*” khách quan của sự phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời là căn cứ để phân biệt các thời đại kinh tế – xã hội khác nhau. “*Lịch sử chẳng qua chỉ là sự tiếp nối của những thế hệ riêng rẽ trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả những thế hệ trước để lại; do đó, mỗi thế hệ một mặt tiếp tục cải hoạt động được truyền lại, trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi, và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi*” (C. Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.3, tr.65). Trên nền tảng đó, các công trình nghiên cứu hiện nay về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đều thống nhất rằng khoa học và công nghệ, đặc biệt là các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và Internet vạn vật, đang chuyển hóa từ vai trò hỗ trợ sang vai trò lực lượng sản xuất trực tiếp, tức là không chỉ nâng cao hiệu quả lao động, mà trực tiếp tạo ra giá trị mới cho nền kinh tế (Anh, 2021). Đặt trí tuệ nhân tạo vào cấu trúc lực lượng sản xuất theo cách tiếp cận này cho thấy một đặc điểm căn bản: AI không thể được hiểu đơn giản như một công cụ lao động truyền thống, bởi bản thân nó mang giá trị sáng tạo tri thức, thuật toán và dữ liệu xã hội ở trình độ cao, khả năng tự học, tự tối ưu và tham gia vào quá trình ra quyết định. Các nghiên cứu về kinh tế số tại Việt Nam chỉ ra rằng AI đang trở thành một thành tố không thể tách rời của lực lượng sản xuất mới, làm thay đổi cách thức tổ chức lao động, quản trị doanh nghiệp và phân phối giá trị trong nền kinh tế thị trường hiện đại (Anh, 2021). Dưới góc nhìn triết học Mác – Lênin, hiện tượng này phản ánh một bước phát triển mới của lực lượng sản xuất, trong đó ranh giới giữa lao động trí óc và công cụ lao động ngày càng bị xóa nhòa, còn tri thức xã hội được tích lũy và vận hành thông qua các hệ thống kỹ thuật thông minh. Từ bình diện lý luận, có thể phân tích vai trò của AI trong lực lượng sản xuất theo ba tầng nấc gắn bó hữu cơ với nhau.

Thứ nhất, AI như sự mở rộng lịch sử của công cụ lao động, nhưng ở trình độ trí tuệ hóa cao, cho phép con người không chỉ tác động lên đối tượng lao động bằng sức mạnh vật chất, mà bằng năng lực tính toán, dự báo và mô phỏng. Các nghiên cứu về tác động của công nghệ 4.0 đối với quản trị nhân sự và quản lý dự án cho thấy AI đang làm thay đổi căn bản yêu cầu đối với người lao động, buộc họ phải chuyển từ lao động trực tiếp sang lao động điều phối, giám sát và sáng tạo (Hương, 2025). Điều này phù hợp với luận điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin rằng khi công cụ lao động phát triển, bản thân người lao động cũng phải phát triển tương ứng, nếu không sẽ bị gạt ra ngoài quá trình sản xuất.

Thứ hai, AI đặt ra một cách hiểu mới về mối quan hệ giữa con người và tư liệu sản xuất trong lực lượng sản xuất hiện đại. Các công trình nghiên cứu triết học gần đây nhấn mạnh rằng, dù công nghệ có phát triển đến đâu, con người vẫn giữ vai trò chủ thể sáng tạo và quyết định, bởi chính con người là người thiết kế, kiểm soát và định hướng mục tiêu sử dụng AI (Kiên, 2024). Từ góc độ này, AI không phủ định vai trò của con người trong lực lượng sản xuất, mà làm cho vai trò đó trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa năng lực công nghệ và giá trị nhân văn. Đây là điểm mấu chốt để tránh cách hiểu giản lược, coi AI như một “*người lao động thay thế hoàn toàn con người*”, vốn dễ dẫn đến những kết luận cực đoan về sự “*thất nghiệp công nghệ*” và khủng hoảng xã hội.

Thứ ba, xét trong mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, sự phát triển của AI đang tạo ra những áp lực ngày càng lớn đối với các thiết chế kinh tế và pháp lý hiện hành. Các nghiên cứu về lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong kỷ nguyên số chỉ ra rằng nếu quan hệ sở hữu, cơ chế quản lý và phân phối không được điều chỉnh kịp thời, trình độ phát triển mới của lực lượng sản xuất dựa trên AI sẽ bị kìm hãm, thậm chí làm nảy sinh các mâu thuẫn xã hội gay gắt (Phong & Kiên, 2024).

Điều này hoàn toàn phù hợp với quy luật cơ bản mà C. Mác đã chỉ ra: Quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, nếu không sẽ trở thành “*xiềng xích*” của sự phát triển.

Như vậy, trí tuệ nhân tạo không phải là một hiện tượng công nghệ bên ngoài lực lượng sản xuất, mà là một bộ phận nội tại, đang làm biến đổi sâu sắc cấu trúc, động lực và phương thức vận hành của lực lượng sản xuất trong doanh nghiệp hiện đại. Việc nhận thức đúng vai trò của AI trong lực lượng sản xuất không chỉ có ý nghĩa khoa học, mà còn là tiền đề lý luận quan trọng để phân tích các cơ hội, thách thức của doanh nghiệp hiện nay. Học thuyết của C. Mác mặc dù có nhiều giá trị bền vững cho đến ngày nay nhưng không phải không có những điểm cần được bổ sung, phát triển. V.I. Lênin - Người đã không ngừng bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác nhưng cũng từng nhấn mạnh: “*Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống*” (V.I. Lê-nin, Toàn tập, t.4, tr.232).

2.2.2. Thời cơ và thách thức của doanh nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo

Trước hết, chúng ta cần tách bạch thời cơ và thách thức theo từng chiều tác động, tức là theo ba bình diện: (1) năng lực sản xuất và tạo giá trị, (2) cơ cấu lao động và quản trị nguồn nhân lực, (3) khung pháp lý, sở hữu dữ liệu và rủi ro hệ thống, gắn liền với 3 hướng giả thuyết đã đặt ra về AI với vai trò là đối tượng lao động, công cụ lao động và người lao động kỹ thuật số.

Xét bình diện năng lực sản xuất: AI đem lại thời cơ rõ rệt: Tăng năng suất lao động thông qua tự động hóa các tác vụ lặp lại, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và ra quyết định dựa trên dữ liệu lớn, đồng thời mở ra các sản phẩm và dịch vụ mới, ... giúp doanh nghiệp gia tăng tỷ trọng giá trị gia tăng dựa trên tri thức. Điều này đã được nhiều báo cáo và tổng quan về kinh tế số ghi nhận là xu hướng xuyên quốc gia và có ý nghĩa lớn đối với năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam (Phong & cộng sự, 2025). Tuy nhiên, khả năng hiện thực hoá các thời cơ này phụ thuộc chặt chẽ vào năng lực hấp thụ công nghệ, mức đầu tư cho hạ tầng dữ liệu, và đặc biệt là năng lực chuyển hoá tri thức thành sản phẩm thương mại hóa, những yếu tố mà các nghiên cứu trong nước đã cảnh báo còn phân hoá mạnh giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và doanh nghiệp nhỏ.

Xét bình diện cơ cấu lao động và quản trị nguồn nhân lực: AI vừa là cơ hội để nâng cấp chất lượng lao động, yêu cầu cao hơn về kỹ năng số, tư duy sáng tạo, quản trị hệ thống, vừa là thử thách về nguy cơ dịch chuyển việc làm và gia tăng chênh lệch kỹ năng. Báo cáo và các bài viết gần đây về quản trị nhân sự trong kỷ nguyên AI cho thấy chuyển dịch này không tự diễn ra một cách an toàn nếu thiếu chính sách đào tạo lại, chương trình phát triển kỹ năng và chính sách bảo đảm an sinh cho người lao động (Hương, 2025). Điều này được minh chứng ở thực tế ngành xây dựng, quản lý dự án và một số ngành dịch vụ tại Việt Nam, nơi AI và các công nghệ 4.0 đã làm thay đổi vai trò nhân sự từ thực thi sang giám sát, phân tích và ra quyết định (Tâm & cộng sự, 2025). Nếu doanh nghiệp không chủ động đầu tư vào nâng cao năng lực con người, thì lợi ích từ AI dễ chuyển thành nguồn lợi của bên sở hữu công nghệ thay vì lan tỏa cho lực lượng lao động, một hệ quả mà C. Mác cho rằng: “*Tại một giai đoạn phát triển nhất định, những lực lượng sản xuất vật chất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện có, ... từ chỗ là những hình thức phát triển của lực lượng sản xuất, những quan hệ đó trở thành những xiềng xích của chúng*” (C. Mác và Ph.Ăngghen, Toàn tập, t.1, tr.21). Tức là mâu thuẫn giữa trình độ lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất có thể kìm hãm phát triển xã hội.

Về khung pháp lý, quản trị dữ liệu và rủi ro hệ thống: AI đặt ra thách thức pháp lý mới: Quyền sở hữu và chia sẻ dữ liệu, trách nhiệm pháp lý khi hệ thống AI gây thiệt hại, an ninh mạng, cũng như yêu cầu minh bạch thuật toán, ... những vấn đề này tại Việt Nam đang được nhắc đến trong các công trình tổng hợp về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và chuyển đổi số, nhưng thực tế cho thấy khung pháp luật còn nhiều khoảng trống so với tốc độ phát triển công nghệ, dẫn tới rủi ro pháp chế và cản trở đầu tư (Kiên & Hoa, 2022). Đồng thời, rủi ro tập trung hoá dữ liệu và quyền lực nền tảng có thể làm gia tăng bất bình đẳng giữa doanh nghiệp lớn sở hữu dữ liệu lớn và doanh nghiệp nhỏ thiếu dữ liệu, từ đó tạo ra “*điểm nghẽn sở hữu*” làm giảm hiệu quả xã hội của tiến bộ kỹ thuật nếu không có can thiệp chính sách kịp thời.

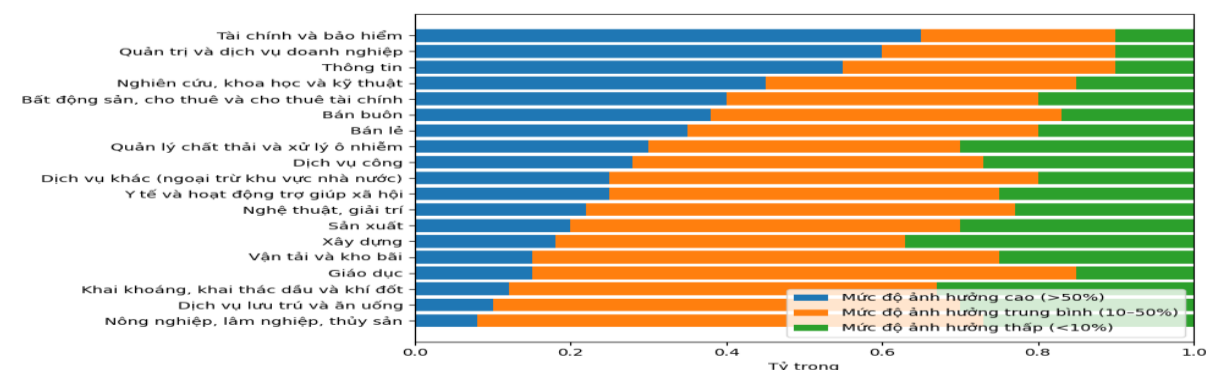
Kết luận rút ra từ phân tích trên là hai chiều: Một là, thời cơ do AI mang đến cho doanh nghiệp Việt Nam là xác thực và có tính chiến lược nếu được huy động bởi năng lực tổ chức nội tại như hạ tầng dữ liệu, năng lực con người, quản trị đổi mới, ... Hai là, thách thức không chỉ kỹ thuật mà chủ yếu là thể chế, gồm chính sách lao động, pháp luật về dữ liệu và cơ chế phân phối lợi ích và chính phân thể chế này quyết định

liệu lợi ích AI sẽ được phân phối rộng rãi hay bị cô đặc, liệu AI sẽ thúc đẩy phát triển toàn diện hay làm sâu thêm các rạn nứt xã hội vốn đã tồn tại. Các minh chứng học thuật và báo cáo chuyên ngành đính kèm khẳng định rằng để vượt qua thách thức này, cần một chiến lược đồng bộ, kết hợp chính sách công, cam kết đầu tư của doanh nghiệp và chương trình nâng cao năng lực con người, thay vì kỳ vọng vào giải pháp công nghệ đơn lẻ (Hương, 2025).

Có thể nhận thấy rằng, việc nhận diện thời cơ và thách thức của doanh nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, nếu chỉ dừng lại ở mô tả hiện tượng hoặc liệt kê tác động rời rạc, sẽ khó làm rõ được bản chất vận động của quá trình này. Vì vậy, cần phải đặt các thời cơ và thách thức đó trong chính thể biện chứng của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, từ đó mới thấy rõ AI không chỉ tạo ra lợi thế cạnh tranh mới, mà đồng thời làm bộc lộ những giới hạn cấu trúc của mô hình doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Cách tiếp cận này cho phép chuyển trọng tâm đánh giá từ câu hỏi “AI mang lại lợi ích gì” sang câu hỏi mang tính phương pháp luận sâu sắc hơn: Doanh nghiệp Việt Nam có đủ điều kiện kinh tế, thể chế và con người để biến tiềm năng công nghệ thành năng lực sản xuất hiện thực hay không.

Xét chiều thuận lợi: Phân tích cho thấy AI mở ra khả năng tái cấu trúc mô hình tăng trưởng của doanh nghiệp theo hướng dựa nhiều hơn vào tri thức, dữ liệu và sáng tạo, thay vì phụ thuộc chủ yếu vào lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên. Tuy nhiên, đánh giá một cách khách quan, những thời cơ này không mang tính “tự động”, mà chỉ trở thành hiện thực khi doanh nghiệp có năng lực hấp thụ công nghệ, khả năng tổ chức lại lao động và đặc biệt là chiến lược đầu tư dài hạn cho con người. Nếu thiếu những điều kiện đó, AI dễ bị sử dụng như một công cụ cắt giảm chi phí ngắn hạn, gián tiếp làm gia tăng mâu thuẫn lao động và thu hẹp nền tảng phát triển bền vững của chính doanh nghiệp.

Xét chiều khó khăn: Cần nhấn mạnh rằng các rủi ro pháp lý, bất bình đẳng dữ liệu và phân hóa kỹ năng không phải là những “tác dụng phụ” nhất thời của công nghệ, mà phản ánh sự lệch pha giữa trình độ phát triển mới của lực lượng sản xuất với hệ thống quan hệ sản xuất và thể chế quản lý còn mang nặng dấu ấn của nền kinh tế công nghiệp kiểu cũ. Đánh giá này cho thấy thách thức lớn nhất đối với doanh nghiệp Việt Nam không nằm ở việc thiếu công nghệ, mà ở năng lực điều chỉnh tổ chức, quản trị và tuân thủ pháp luật trong môi trường số. Do đó, muốn AI trở thành động lực phát triển, doanh nghiệp Việt Nam buộc phải đồng thời đổi mới tư duy quản trị, tái cấu trúc quan hệ lao động và tham gia chủ động vào quá trình hoàn thiện thể chế, nếu không, chính những thời cơ được kỳ vọng sẽ chuyển hóa thành những rào cản mới của sự phát triển.



Hình 1: Ảnh hưởng của AI đến một số lĩnh vực năm 2024
(Số liệu tổng hợp theo: WTO và Goldmansachs)

Tóm lại, khi AI được nhìn nhận với tư cách đối tượng lao động, cơ hội của doanh nghiệp Việt Nam nằm ở khả năng tham gia vào quá trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa các sản phẩm, nền tảng và dịch vụ AI, qua đó từng bước hình thành các ngành công nghiệp công nghệ mới có giá trị gia tăng cao. Tuy nhiên, đi cùng với cơ hội đó là những khó khăn đáng kể liên quan đến năng lực nghiên cứu – phát triển, quy mô đầu tư cho công nghệ lõi, cũng như mức độ làm chủ dữ liệu và hạ tầng số của doanh nghiệp trong nước (1). Khi trí tuệ nhân tạo thể hiện những đặc điểm của một dạng lao động số có khả năng thay thế hoặc cạnh tranh với lao động con người trong một số hoạt động nhất định, doanh nghiệp có cơ hội nâng cao năng suất, giảm chi phí và tối ưu hóa quy trình vận hành thông qua tự động hóa thông minh. Song đó cũng nảy sinh những thách thức liên quan đến tái cấu trúc thị trường lao động, yêu cầu nâng cao kỹ năng của lực lượng lao động và những vấn đề pháp lý – xã hội mới liên quan đến việc sử dụng lao động trong môi trường sản xuất số hóa (2). Trong vai trò công cụ lao động trí tuệ hóa, trí tuệ nhân tạo mang lại khả năng mở rộng

đáng kể năng lực nhận thức và ra quyết định của con người trong quản trị doanh nghiệp, từ phân tích dữ liệu lớn, dự báo thị trường đến tối ưu hóa chiến lược sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, việc ứng dụng rộng rãi các công cụ AI cũng đặt ra những khó khăn liên quan đến chi phí chuyển đổi công nghệ, mức độ sẵn sàng của hạ tầng dữ liệu và khả năng thích ứng của đội ngũ quản lý trong môi trường kinh doanh ngày càng phụ thuộc vào tri thức và công nghệ (3).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu trước hết cho thấy AI không đơn thuần là một “*tiện ích công nghệ*” được gắn thêm vào quá trình sản xuất, mà đang trở thành một yếu tố cấu trúc làm biến đổi tận gốc cách thức doanh nghiệp tạo ra giá trị, tổ chức lao động và phân phối kết quả sản xuất. Nhìn từ học thuyết lực lượng sản xuất của triết học Mác – Lênin, có thể nói AI đang làm cho khoa học – công nghệ, vốn đã được C. Mác dự báo là lực lượng sản xuất trực tiếp, nay hiện diện một cách đầy đủ và rõ ràng trong đời sống kinh tế, thông qua các hệ thống thuật toán, dữ liệu và mô hình thông minh được doanh nghiệp sử dụng như những “*công cụ trí tuệ hóa*” của sản xuất xã hội. Đây là kết quả lý luận quan trọng, bởi nó cho thấy sự phát triển của AI không phải là hiện tượng ngoại lai đối với học thuyết Mác – Lênin, mà là sự tiếp nối logic của quy luật phát triển lực lượng sản xuất trong điều kiện lịch sử mới. Từ kết quả phân tích nội dung nghiên cứu, có thể thấy rằng AI đang mang nhiều vai trò:

Thứ nhất, *khi nhìn AI như đối tượng lao động*: Tức là sản phẩm trí tuệ được tạo ra, huấn luyện và thương mại hóa để bán cho các doanh nghiệp, tổ chức và người tiêu dùng tiếp tục khai thác và sinh lời. Điển hình như trường hợp của FPT cho thấy một hướng tiếp cận trong đó trí tuệ nhân tạo trở thành đối tượng lao động được nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa. Thông qua việc đầu tư mạnh vào các nền tảng AI, dữ liệu lớn và điện toán đám mây, doanh nghiệp này không chỉ ứng dụng AI trong hoạt động nội bộ mà còn phát triển các sản phẩm và dịch vụ AI cung cấp cho thị trường trong nước và quốc tế. Điều này phản ánh một xu hướng quan trọng của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế số: Trí thức và dữ liệu ngày càng trở thành nguồn lực sản xuất trực tiếp, đồng thời mở ra khả năng hình thành các ngành công nghiệp công nghệ mới có giá trị gia tăng cao. Hiện nay ở Việt Nam nhiều chuỗi giá trị AI nội địa đang hình thành rõ nét: Các viện nghiên cứu và đơn vị R&D nội bộ của tập đoàn lớn đầu tư cho việc tạo ra mô hình, nền tảng, dịch vụ AI để thương mại hóa. Điển hình là các đơn vị như VinAI (thuộc Vingroup) và FPT với các trung tâm nghiên cứu, sản xuất sản phẩm AI, đồng thời xây dựng hệ sinh thái thương mại xung quanh sản phẩm đó; VinAI đã phát triển các sản phẩm về nhận dạng, giám sát và giải pháp công nghiệp (Nhân dân online); FPT công bố kế hoạch đầu tư quy mô lớn cho “*nhà máy AI*” và các trung tâm dữ liệu, đồng thời thương mại hoá nền tảng ứng dụng AI cho khách hàng doanh nghiệp trong nước và khu vực, cho thấy AI tại đây không phải là công cụ vô tri đơn thuần mà là hàng hóa trí tuệ được sản xuất và bán ra thị trường. Chủ tịch Tập đoàn FPT Trương Gia Bình phát biểu ngày 12/01/2026 còn đặt ra kỳ vọng có một triệu thanh niên Việt Nam dần thân làm AI (Vn.Express). Bên cạnh đó, những nỗ lực của Viettel với hệ sinh thái giải pháp AI cũng minh chứng cho xu hướng các doanh nghiệp công nghiệp viễn thông, coi AI là sản phẩm để phát triển dịch vụ và gia tăng doanh thu. Tương tự, các nền tảng của VNG/Zalo và các giải pháp AI doanh nghiệp do họ cung cấp cho đối tác cũng là bằng chứng rõ ràng cho vai trò “*đối tượng lao động*” được thương mại hóa. Khi AI trở thành đối tượng lao động, doanh nghiệp không chỉ thu lợi từ việc sử dụng công nghệ mà còn tạo ra lợi nhuận trực tiếp từ chính hoạt động sản xuất để bán sản phẩm AI, xuất hiện chuỗi giá trị mới trong nền kinh tế số, song cũng đặt ra yêu cầu quản trị sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn an toàn và chính sách hỗ trợ phát triển ngành.

Thứ hai, *ở vai trò người lao động đặc thù*: AI bắt đầu đảm nhiệm hoặc thay thế những chức năng trước đây chuyên thuộc lao động con người, từ chăm sóc khách hàng qua chatbot, xử lý giao dịch ngân hàng tự động, đến vận hành kho bãi, hàn, sơn trong dây chuyền sản xuất có độ tự động hóa cao, ... Tại Việt Nam, những biểu hiện này đã trở nên phổ biến và có tác động rõ rệt lên cơ cấu lao động. Ví dụ, các ngân hàng và tổ chức tài chính Việt Nam đã triển khai trợ lý ảo và các hệ thống GenAI để tự động hoá dịch vụ khách hàng và phân tích dữ liệu khách hàng, với VIB và một số ngân hàng lớn áp dụng trợ lý AI nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhân viên trực tổng đài cho những tác vụ lặp lại (Tạp chí Ngân hàng online). Trong lĩnh vực sản xuất, VinFast và các nhà máy công nghiệp sử dụng hàng ngàn robot công nghiệp, tự động hóa nhiều công đoạn sản xuất, từ hàn đến lắp ráp, khiến yêu cầu về lao động trực tiếp truyền thống giảm đi, trong khi nhu cầu về kỹ sư điều khiển, bảo trì robot và nhân lực có năng lực số tăng lên (Tạp chí Tự động hoá ngày

nay online). Khi AI đảm nhiệm vai trò lao động đặc thù, cơ cấu việc làm chuyển dịch theo hai chiều: Một phía là mất đi việc làm lặp lại, thủ công, chiều kia là tạo ra việc làm mới đòi hỏi kỹ năng cao hơn, dẫn đến phân hóa kỹ năng và nguy cơ bất bình đẳng nội bộ doanh nghiệp nếu không có cơ chế đào tạo, bảo đảm an sinh nghề nghiệp. Trong thực tế, nhiều doanh nghiệp đã thực hiện cắt giảm nhân sự ở một vài khâu, song chưa đồng thời thiết lập chương trình đào tạo tái cơ cấu lao động tương xứng, tạo áp lực đáng kể lên xã hội.

Thứ ba, *xét AI như công cụ lao động được trang bị trí thức*: Tức là công cụ được doanh nghiệp trang bị để nâng cao năng suất, hỗ trợ cho lao động con người trong các khâu phân tích, dự báo, thiết kế và quản trị. Đây là kịch bản mà nhiều doanh nghiệp vừa và nhỏ cùng hệ thống phần mềm quản trị doanh nghiệp tại Việt Nam đang áp dụng, khi họ tích hợp các mô-đun AI vào ERP, CRM, giải pháp kế toán và quản trị nguồn nhân lực nhằm tự động hóa các tác vụ lặp lại, rút ngắn thời gian xử lý và nâng cao chất lượng ra quyết định (Tạp chí Công thương online). Viettel là minh họa rõ ràng vai trò của trí tuệ nhân tạo với tư cách công cụ lao động trí tuệ hóa trong quản trị và vận hành. Việc ứng dụng AI trong phân tích dữ liệu viễn thông, tối ưu hóa mạng lưới và phát triển các dịch vụ số cho thấy trí tuệ nhân tạo đang góp phần mở rộng đáng kể năng lực xử lý thông tin và ra quyết định của con người (Quân đội nhân dân online). Rất nhiều doanh nghiệp Việt Nam đang tiếp cận AI theo hướng này, các nền tảng như MISA AMIS hay các giải pháp của FPT cho thấy doanh nghiệp không nhất thiết phải “sở hữu” AI như sản phẩm mà có thể thuê hoặc sử dụng như dịch vụ để nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh. Trong mô hình này, AI vẫn phụ thuộc vào con người về mục tiêu, giám sát và điều chỉnh, đồng thời thúc đẩy chuyển dịch vai trò người lao động từ thực thi sang giám sát, sáng tạo và quản trị dữ liệu. Tuy nhiên, thách thức nằm ở năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp, doanh nghiệp thiếu nguồn lực dữ liệu, thiếu đội ngũ nhân sự có kỹ năng số, hoặc phụ thuộc vào nền tảng nước ngoài sẽ khó tận dụng triệt để lợi ích của công cụ AI. Do đó việc đầu tư song hành cho con người như đào tạo, tổ chức lại công việc, cùng khung pháp lý quản trị dữ liệu và trách nhiệm thuật toán là điều kiện tiên quyết để AI thật sự thể hiện vai trò công cụ lao động nâng cao sức sản xuất, thay vì là nguồn gây bất ổn xã hội.

Chung quy lại, ba vai trò: Đối tượng lao động, người lao động đặc thù và công cụ lao động của AI không tồn tại độc lập mà vận hành đồng thời, đan xen trong đời sống doanh nghiệp Việt Nam. Thực tế cho thấy các tập đoàn lớn như FPT, Vingroup (qua VinAI/VinRobotics), Viettel và VNG đang phát triển AI theo hướng sản xuất và thương mại hóa, trong khi các nhà sản xuất công nghiệp (VinFast) và các tổ chức tài chính (VIB, một số ngân hàng khác) hiện thực hóa vai trò AI như lao động thay thế hoặc hỗ trợ và các doanh nghiệp phần mềm quản trị (MISA, FPT Software) cung cấp công cụ AI giúp doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng năng suất. Từ quan điểm triết học Mác - Lênin, hiện tượng này là minh chứng cho bước chuyển sang lực lượng sản xuất mới mà trong đó trí thức kỹ thuật được vật hóa, song để biến đổi này thành nguồn lực giải phóng sản xuất và tiến bộ xã hội thay vì trở thành nhân tố gia tăng bất bình đẳng, đòi hỏi sự điều chỉnh đồng bộ về quan hệ sản xuất, chính sách đào tạo, bảo trợ người lao động và khung pháp luật quản trị dữ liệu, bảo đảm trách nhiệm thuật toán, phân phối lợi ích công bằng, ... những vấn đề đã được nêu trong phân tích và cần được ưu tiên trong chương trình hành động của doanh nghiệp và Nhà nước.

Từ tổng thể các kết quả và thảo luận trên, có thể khái quát rằng trí tuệ nhân tạo đang đặt doanh nghiệp Việt Nam trước một bước ngoặt lịch sử trong sự phát triển của lực lượng sản xuất. Cơ hội và thách thức do AI mang lại không tồn tại tách rời, mà gắn bó biện chứng với nhau, phụ thuộc vào cách doanh nghiệp và Nhà nước nhận thức, tổ chức và điều chỉnh mối quan hệ giữa công nghệ, lao động và thể chế. Nghiên cứu này không chỉ làm sâu sắc thêm cách hiểu về lực lượng sản xuất trong triết học Mác - Lênin, mà còn gợi mở những định hướng quan trọng cho cải cách pháp luật kinh tế, chính sách lao động và chiến lược phát triển doanh nghiệp trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo, nhằm bảo đảm rằng sự phát triển của lực lượng sản xuất mới diễn ra theo hướng tiến bộ, bền vững và mang tính nhân văn.

3.2. Kiến nghị một số chính sách cho doanh nghiệp Việt Nam trong kỷ nguyên AI

Từ các kết quả nghiên cứu và thảo luận ở trên, có thể khẳng định rằng việc hoạch định chính sách cho doanh nghiệp trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo không thể tiếp cận theo cách kinh tế truyền thống, mà phải được đặt trong chính thể biện chứng giữa lực lượng sản xuất mới do AI dẫn dắt và yêu cầu điều chỉnh quan hệ sản xuất, thể chế kinh tế - pháp lý tương ứng. Trên bình diện này, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 đã cung cấp một khung pháp lý nền tảng, lần đầu tiên xác lập tương đối đầy đủ các nguyên tắc phát triển, quản lý và hỗ trợ hoạt động công nghiệp công nghệ số, trong đó AI được thừa nhận như một bộ phận cốt lõi của hạ tầng sản xuất mới. Tuy nhiên, từ góc nhìn triết học Mác - Lênin và thực tiễn doanh nghiệp,

chính sách không chỉ dừng ở việc “*cho phép*” hay “*khuyến khích*” ứng dụng AI, mà cần định hướng cách doanh nghiệp tổ chức, làm chủ và phân phối các giá trị do AI tạo ra.

Một là, *về chính sách tổ chức lực lượng sản xuất trong doanh nghiệp*: Cần khuyến nghị doanh nghiệp tiếp cận AI như một yếu tố nội tại của lực lượng sản xuất, thay vì coi AI thuần túy là công cụ hỗ trợ. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải tái cấu trúc chiến lược sản xuất kinh doanh, trong đó AI được tích hợp ngay từ khâu thiết kế quy trình, phát triển sản phẩm đến quản trị và phân phối. Luật Công nghiệp công nghệ số đã xác định rõ phạm vi hoạt động công nghiệp công nghệ số, bao gồm nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, thử nghiệm và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, trong đó AI là đối tượng được ưu tiên phát triển (Điều 1, Điều 4). Trên cơ sở đó, chính sách đối với doanh nghiệp cần khuyến khích hình thành các mô hình tổ chức sản xuất kết hợp chặt chẽ giữa con người – dữ liệu – thuật toán, nhằm phát huy tối đa năng suất của lực lượng lao động hiện hữu, đồng thời tránh xu hướng lệ thuộc hoàn toàn vào công nghệ nhập khẩu hoặc nền tảng nước ngoài.

Hai là, *về chính sách phát triển và bảo vệ người lao động trong doanh nghiệp*: Cần nhấn mạnh rằng AI không được triển khai bằng cách giản đơn hóa mục tiêu là cắt giảm lao động, mà phải hướng đến nâng cao chất lượng lao động xã hội. Luật Công nghiệp công nghệ số dành một chương riêng cho phát triển nhân lực công nghiệp công nghệ số, trong đó nhấn mạnh đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng số và kỹ năng công nghệ cho người lao động (Điều 18, Điều 19). Trên tinh thần đó, chính sách đối với doanh nghiệp cần đặt nghĩa vụ đầu tư vào con người song hành với đầu tư công nghệ, coi chi phí đào tạo, chuyển đổi kỹ năng là một bộ phận cấu thành của chi phí tái sản xuất sức lao động trong điều kiện lực lượng sản xuất mới. Đây là điểm then chốt để bảo đảm sự phù hợp giữa lực lượng sản xuất AI với quan hệ sản xuất, tránh việc AI trở thành nguồn gốc của mâu thuẫn xã hội và bất ổn lao động.

Ba là, *về chính sách dữ liệu và sở hữu trong doanh nghiệp*: Cần có định hướng rõ ràng nhằm ngăn chặn xu hướng tập trung hóa dữ liệu và quyền lực công nghệ vào một số ít chủ thể. Luật Công nghiệp công nghệ số đã đặt ra yêu cầu quản lý, phát triển và bảo đảm chất lượng dữ liệu số trong hoạt động công nghiệp công nghệ số, coi dữ liệu là nguồn lực quan trọng của sản xuất (Điều 26, Điều 27). Trên cơ sở này, chính sách đối với doanh nghiệp cần hướng tới việc minh bạch hóa quyền sở hữu và quyền sử dụng dữ liệu, khuyến khích chia sẻ dữ liệu theo chuẩn mực pháp luật, đồng thời bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và khách hàng, những chủ thể trực tiếp tạo ra hoặc liên quan đến dữ liệu.

Bốn là, *về chính sách quản trị rủi ro và trách nhiệm pháp lý*: Doanh nghiệp cần được định hướng rõ ràng trong việc xác lập trách nhiệm khi hệ thống AI gây ra thiệt hại hoặc rủi ro xã hội. Luật Công nghiệp công nghệ số đã bước đầu đặt ra các nguyên tắc về an toàn thông tin, an ninh mạng, trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động công nghiệp công nghệ số (Điều 10, Điều 12). Tuy nhiên, từ góc độ chính sách, cần khuyến nghị doanh nghiệp xây dựng cơ chế quản trị nội bộ đối với AI, bao gồm kiểm soát thuật toán, đánh giá tác động xã hội và thiết lập quy trình chịu trách nhiệm rõ ràng, nhằm bảo đảm rằng AI phục vụ mục tiêu phát triển bền vững, chứ không trở thành “*vùng xám trách nhiệm*” trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm là, *về chính sách khuyến khích phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo*: Cần định hướng doanh nghiệp khai thác AI gắn với mục tiêu phát triển dài hạn, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường và nâng cao phúc lợi xã hội. Luật Công nghiệp công nghệ số đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển bền vững, sử dụng năng lực hiệu quả và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong hoạt động công nghiệp công nghệ số (Điều 32). Trên cơ sở đó, chính sách đối với doanh nghiệp cần khuyến khích các mô hình ứng dụng AI phục vụ sản xuất xanh, quản trị thông minh và phát triển bao trùm, qua đó bảo đảm rằng sự phát triển của lực lượng sản xuất mới không chỉ làm gia tăng của cải, mà còn góp phần củng cố nền tảng xã hội và pháp lý của sự phát triển.

Tổng hợp lại, các kiến nghị chính sách đối với doanh nghiệp trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo cần được xây dựng trên nền tảng nhận thức đúng đắn về AI như một yếu tố cấu thành mới của lực lượng sản xuất, đồng thời đặt doanh nghiệp vào mối quan hệ trách nhiệm với người lao động, xã hội và Nhà nước. Chỉ khi các chính sách này được triển khai đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa pháp luật, kinh tế và triết học phát triển, trí tuệ nhân tạo mới thực sự trở thành động lực giải phóng và phát triển lực lượng sản xuất, thay vì trở thành nguồn gốc của những mâu thuẫn mới trong nền kinh tế Việt Nam hiện nay.

4. KẾT LUẬN

Trí tuệ nhân tạo không chỉ là một hiện tượng công nghệ mang tính thời sự, mà đã và đang trở thành một yếu tố cấu thành mới của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế đương đại, tác động trực tiếp và sâu sắc đến cách thức doanh nghiệp tổ chức sản xuất, sử dụng lao động, phân phối giá trị cũng như vận hành trong khuôn khổ pháp luật hiện hành. Dưới ánh sáng của triết học Mác – Lênin, nghiên cứu này cho thấy sự phát triển của AI là sự tiếp nối logic của quy luật phát triển lực lượng sản xuất, trong đó khoa học – công nghệ, khi đạt đến trình độ nhất định, chuyên hóa thành lực lượng sản xuất trực tiếp, làm biến đổi không chỉ công cụ lao động mà cả bản thân người lao động và mối quan hệ giữa họ với tư liệu sản xuất. Chính tính đa hình thái này khiến tác động của AI trở nên phức tạp và giàu mâu thuẫn hơn so với các cuộc cách mạng công nghệ trước đây. Một mặt, AI mở ra thời cơ lớn để doanh nghiệp Việt Nam rút ngắn khoảng cách phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Mặt khác, AI cũng làm bộc lộ rõ những hạn chế của quan hệ sản xuất và khung pháp luật hiện hành, đặc biệt trong các vấn đề sở hữu và khai thác dữ liệu, trách nhiệm pháp lý của hệ thống thông minh, bảo vệ quyền lợi người lao động và phân phối công bằng thành quả của tiến bộ kỹ thuật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- C. Mác và Ph. Ăngghen. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. t.3.
- C. Mác và Ph. Ăngghen. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. t.4.
- C. Mác và Ph. Ăngghen. (1995). *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. t.19.
- C. Mác và Ph. Ăngghen. (2000). *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. t.42.
- C. Mác và Ph. Ăngghen. (2000). *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. t.46.p1.
- C. Mác và Ph. Ăngghen. (2002). *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. t.20.
- C. Mác và Ph. Ăngghen. (2011). *Toàn tập*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật. t.1.
- V.I. Lênin. (1978). *Toàn tập*, Nxb. Tiến bộ Mát-xcơ-va,
- Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. (2025). *Luật Luật số 71/2025/QH15 – Luật Công nghiệp Công nghệ Số*. Văn phòng Quốc Hội.
- Anh, N.T. (2021). *Cơ hội và thách thức đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp của các doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh nền kinh tế số*. Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội. Số 84.
- Hương, N.T. (2025). *Những thay đổi đối với quản trị nhân sự trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo: Cơ hội và thách thức đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam*. Tạp chí Kinh tế và quản trị kinh doanh. Số 32.
- Kiên, Đ.T & Hoa, C.T. (2022). *Tác động của Công nghiệp 4.0 đến các lĩnh vực pháp luật ở Việt Nam*. Tạp chí Dân chủ và pháp luật. Số 10 (367).
- Kiên, N.T. (2024). *Phát huy nhân tố con người trong bối cảnh giáo dục 4.0 tại Việt Nam: Tiếp cận từ Triết học Mác – Lênin*. Tạp chí Tâm lý – Giáo dục. Số 21.
- Phong, N.Đ. – Vinh, V.X. – Nguyễn, N.P. – Giàu, L.N. & Thy, P.Q. (2025). *Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến phát triển kinh tế số: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam*. Tạp chí Khoa học kinh tế. Số 12.
- Phong, N.Đ. & Kiên, P.T. (2025). *Vai trò quyết định của con người Việt Nam trong việc đảm bảo quan hệ sản xuất phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất trong kỷ nguyên mới của dân tộc*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật.
- Tâm, N.V. – Toàn, N.Q. – Phong, V.V. & Giang, T.Đ. (2025). *Quản trị nhân sự quản lý dự án trong ngành xây dựng: Thách thức và cơ hội của Cách mạng công nghiệp 4.0*. Tạp chí Vật liệu và xây dựng. t.15.s.2.
- Thắng, N.H. (2017). *Đặc điểm và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tới phát triển kinh tế - xã hội*. Hà Nội: Nxb. Lý luận chính trị
- <https://daidoanket.vn/ai-dang-dinh-hinh-lai-doanh-nghiep-hien-dai-10301377.html>
- <https://hanoionline.vn/xu-huong-ung-dung-tri-tue-nhan-tao-trong-doanh-nghiep-272245.htm>
- <https://plo.vn/tri-tue-nhan-tao-dang-dinh-hinh-kinh-doanh-ra-sao-post885826.html>
- <https://special.nhandan.vn/vinai-tri-tue-nhan-tao/index.html>
- <https://tapchicongthuong.vn/xu-huong-ung-dung-erp-trong-ke-toan-quan-tri-106472.htm>
- <https://tapchinganhang.gov.vn/ung-dung-ai-tao-sinh-tai-cac-ngan-hang-thuong-mai-viet-nam-thuc-trang-va-giai-phap-16771.html>

<https://thesaigontimes.vn/de-doanh-nghiep-viet-tu-tin-buoc-vao-ky-nguyen-ai-va-du-lieu/>
<https://tudonghoangaynay.vn/doanh-nghiep-dang-rat-linh-dong-trong-viec-bat-kip-xu-huong-su-dung-robot-cong-nghiep-11301.html>
<https://vjst.vn/quan-tri-doanh-nghiep-trong-ky-nguyen-tri-tue-nhan-tao-74565.html>
<https://vneconomy.vn/52-doanh-nghiep-tren-toan-cau-dung-ai-de-do-chat-luong-nhan-su.htm>
<https://vnexpress.net/ong-truong-gia-binh-mong-co-trieu-thanh-nien-viet-nam-dan-than-lam-ai-5005395.html>
<https://vtv.vn/cong-nghe/tac-dong-cua-tri-tue-nhan-tao-toi-thuong-mai-toan-cau-20241123091732704.htm>
<https://www.goldmansachs.com>
<https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/tin-tuc/viettel-ai-lam-chu-phuong-phap-mo-rong-quy-mo-tri-tue-nhan-tao-gap-5-lan-826906>
<https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/nghien-cu/-/2018/825659/phat-trien-nguon-nhan-luc-so-trong-cac-doanh-nghiep-viet-nam-hien-nay.aspx>

ARTIFICIAL INTELLIGENCE WITHIN THE PRODUCTIVE FORCES: RECOGNITION, ELUCIDATION, AND STRATEGIC PATHWAYS FOR VIETNAMESE BUSINESSES

DANG HOANG VU

Faculty of Law and Political Science, Industrial University of Ho Chi Minh City

Corresponding author: danghoangvu@iuh.edu.vn

Abstract: In the context of the rapid development of artificial intelligence (AI) and its increasingly deep penetration into production and business activities, Vietnamese enterprises are confronting structural transformations in the productive forces. This article approaches the issue from the theoretical perspective of the productive forces in Marxist–Leninist philosophy, with the aim of clarifying the philosophical essence, as well as the economic and legal characteristics, of AI within a new mode of production. The research seeks to analyze how AI is adopted and operated by enterprises as an intrinsic element of the productive forces, while simultaneously assessing the opportunities and challenges currently facing Vietnamese enterprises. Methodologically, the study is grounded in dialectical materialism and historical materialism, combining theoretical analysis with the examination of officially published reports, data, and research findings. The results indicate that AI exists in enterprises in multiple roles: as a labor instrument imbued with knowledge content, as an object of labor that can be exploited for profit generation, and as a form of digital labor that restructures labor relations and the distribution of interests. The study contributes to clarifying the theory of productive forces in a new context marked by the strong impetus of artificial intelligence, and offers conceptual foundations for the improvement of enterprise-level policies in Vietnam regarding the application of AI.

Keywords: Artificial intelligence; Digital economy; Marxist–Leninist philosophy; Productive forces; Vietnamese enterprises.

Ngày nhận bài: 16/01/2026

Ngày chấp nhận đăng: 12/03/2026